

Bản án số: 827/2022/HS-PT
Ngày 07 - 11 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 10 và 07 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 506/2022/TLPT-HS ngày 25 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo Đào Văn P do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 80/2022/HS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo: Đào Văn P, sinh năm 1979, tại tỉnh Bình Định; hộ khẩu thường trú: D52, khu phố X, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: chung cư A, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: kế toán; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào C và bà Đoàn Thị P; có vợ là bà Bùi Thị Mai C và 03 con; tiền sự: không; tiền án: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Đào Văn P: Ông Đỗ Hải B - Luật sư của Văn phòng Luật sư Quốc Anh – Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

- Nguyên đơn dân sự: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T 3F V Bình Dương; địa chỉ trụ sở: ấp K, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1970, hộ khẩu thường trú: số 61D, đường T, Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Đỗ Thị Thu N, sinh năm 1976 (vắng mặt).
2. Ông Nguyễn Công Tuấn A, sinh năm 1988 (vắng mặt).
3. Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1994 (có mặt).
4. Bà Lê Thị Yến N, sinh năm 1991(vắng mặt).

Cùng địa chỉ: thửa đất số 320, tờ bản đồ số 48, ấp K, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn T 3F V Bình Dương (gọi tắt là Công ty) có trụ sở tại ấp K, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương; người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Quốc T (sinh năm 1970, hộ khẩu thường trú: số 61D, đường T, Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh); ngành nghề kinh doanh của Công ty là T tươi sống và đông lạnh. Ngày 01/01/2020, Công ty ký hợp đồng lao động với Đào Văn P. Cùng ngày, Công ty ban hành quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng số 01 đối với Phúc và do thời điểm này, Công ty chưa có thủ quỹ (do thủ quỹ cũ là chị Lê Thị Yến N nghỉ việc từ ngày 31/12/2019) nên P được Công ty giao nhiệm vụ thủ quỹ của Công ty từ ngày 01/01/2020. Số tiền mặt kết quỹ chuyển giao từ chị N qua P là 27.785.000 đồng.

Về quy trình hoạt động thu, chi của Công ty và nhiệm vụ của P:

Phòng kinh doanh của Công ty 3F Việt Bình Dương đặt trụ sở tại số 17-19, đường T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh do chị Nguyễn Thị T (sinh năm 1986, hộ khẩu thường trú: thôn K, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận) làm trưởng phòng. Hàng ngày, phòng kinh doanh sẽ tiếp nhận đơn hàng từ khách hàng rồi kiểm tra thông tin khách hàng, số lượng, giá cả các mặt hàng theo đơn và nhập thông tin lên phần mềm “Misa” (phần mềm quản lý bán hàng, sau bán hàng và kế toán của Công ty 3F Việt Bình Dương); chuyển về Công ty ở huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Sau đó, kế toán bán hàng của Công ty là anh Lê Hùng C (sinh năm 1988, hộ khẩu thường trú: ấp B, xã L, huyện D) sẽ soạn đơn hàng theo yêu cầu từ phòng kinh doanh rồi in phiếu xuất kho, giao cho bộ phận quản lý kho để xuất kho. Sau khi hàng hóa xuất kho, được giao cho các tài xế đi giao cho khách hàng; khách hàng thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho Công ty. Anh Lê Hùng C sẽ nhận tiền mặt từ các tài xế đem về hoặc nếu khách hàng mua hàng trực tiếp tại Công ty thì anh Lê Hùng C sẽ nhận tiền rồi tập hợp toàn bộ tiền giao cho kế toán Công ty là chị Lê Minh H (sinh năm 1981, hộ khẩu thường trú: ấp B, xã T, huyện D) hoặc chị Nguyễn Thị Mỹ L (sinh năm 1996, hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã Đ, huyện D). Chị Lê Minh H, chị Nguyễn Thị Mỹ L sẽ kiểm tra, đối chiếu hàng hóa xuất kho và tiền thu về nếu khớp với nhau thì sẽ nhập toàn bộ thông tin lên phần mềm “Misa”, rồi in phiếu thu. Sau đó, tất cả tiền, chứng từ được giao lại cho P, P sẽ kiểm tra, đối chiếu rồi

ký nhận ở mục kê toán trưởng vào phiếu thu rồi P nộp toàn bộ tiền vào tài khoản của Công ty mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín hoặc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Tuy nhiên, mỗi lần nộp tiền thì P giữ lại từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Ngoài hoạt động thu, P cũng là người duyệt và ký xác nhận đối với những hoạt động chi của Công ty.

Ngày 04/5/2020, Ban giám đốc Công ty cử kê toán trưởng Công ty 3F V Bình Dương, chi nhánh Đồng Nai là ông Nguyễn Phước H (sinh năm 1973) và Giám đốc tài chính Công ty 3F V Bình Dương là ông Vũ Tô H (sinh năm 1981), kiểm tra hoạt động kê toán, thu, chi tại Công ty. Ông Nguyễn Phước H, ông Vũ Tô H xác định số tiền mặt tồn quỹ đến thời điểm kiểm tra là 8.310.000 đồng, số tiền này không khớp với báo cáo thu, chi của P. Tại biên bản làm việc 04/5/220, P thừa nhận đã tùy tiện sử dụng 760.548.145đ của Công ty vào mục đích cá nhân. Hành vi của P được ông Nguyễn Phước H, ông Vũ Tô H lập biên bản và trình báo Công an.

Tại Kết luận điều tra số 265/KLĐT-CSKT- Đ4 ngày 30/10/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã xác định hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao là kê toán trưởng và giao giữ tiền mặt của Công ty 3F Việt, Đào Văn P đã tự ý chiếm đoạt số tiền 910.887.000đ trong quỹ tiền mặt để sử dụng vào mục đích cá nhân, hành vi này đủ yếu tố cấu thành tội “Tội tham ô tài sản”. Đề nghị truy tố bị can Đào Văn P về “Tội tham ô tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 353 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cáo trạng số 423/CT-VKSBD.P1 ngày 30/12/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố Đào Văn P về “Tội tham ô tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 của Bộ luật Hình sự (xác định số tiền bị cáo P chiếm đoạt của Công ty là 1.263.970.065 đồng).

Ngày 02/3/2021, P đã nộp lại số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Dương để khắc phục hậu quả cho Công ty 3F V Bình Dương.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 80/2022/HS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đào Văn P 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án;

Biện pháp tư pháp (bồi thường thiệt hại): Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Đào Văn P bồi thường cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T 3F V Bình Dương số tiền 955.660.065 đồng (chín trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng);

Tạm giữ số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng do bị cáo Đào Văn P nộp để khắc phục hậu quả theo Ủy nhiệm chi mẫu số 16c1, ký hiệu: C4-02a/NS lập ngày 17/01/2022 để đảm bảo việc thi hành án;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07/6/2022, bị cáo Đào Văn P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 80/2022/HS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét thay đổi tội danh của bị cáo từ tội “Tham ô tài sản” sang tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Xác minh lại số tiền bị cáo chiếm đoạt của công ty và xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Đào Văn P vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo thay đổi tội danh từ tội “Tham ô tài sản” sang tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, yêu cầu xác minh lại số tiền bị cáo chiếm đoạt và xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, lý do: Bị cáo chỉ có chức danh là Kế toán trưởng của Công ty, không được phân công nhiệm vụ làm thủ quỹ của Công ty. Do bản thân có khó khăn về tài chính nên bị cáo chỉ có ý định mượn tạm của Công ty một số tiền nhưng không báo Ban giám đốc, tuy nhiên cán bộ thủ quỹ Công ty có biết việc này. Bị cáo chỉ chiếm đoạt số tiền khoảng 700.000.000 đồng, đối với 79 phiếu thu không có chữ ký của bị cáo thì bị cáo không phải chịu trách nhiệm đối với những phiếu thu này. Công ty cũng có một phần lỗi do quản lý lỏng lẻo dẫn tới tình trạng thất thoát tài sản, bị cáo chỉ có nhiệm vụ là Kế toán trưởng của Công ty thì không thể một mình bị cáo phải chịu trách nhiệm về sự mất mát tài sản nêu trên. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, gia đình bị cáo có công với Cách mạng được Chủ tịch nước tặng thưởng nhiều bằng khen chống mỹ, bị cáo phạm tội lần đầu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự trình bày: Không nhớ chính xác số tiền bị cáo P chiếm đoạt của Công ty T 3F V Bình Dương là con số nào nhưng thấp hơn cáo trạng truy tố. Sau khi Công ty nhận được kết luận điều tra kết luận về số tiền chiếm đoạt thì Công ty cũng đồng ý, về cáo trạng thì Công ty không nhận được.

Luật sư bào chữa chỉ định cho bị cáo đề nghị được vắng mặt và có gửi bào chữa để Hội đồng xét xử xem xét. Bị cáo cũng đồng ý về việc vắng mặt luật sư và đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ theo qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo P về tội “Tham ô tài sản” theo qui định tại Điều 353 Bộ luật hình sự là phù hợp hành vi khách quan. Riêng về số tiền chiếm đoạt: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm bị cáo chỉ thừa nhận chiếm đoạt của Công ty T 3F V Bình Dương số tiền 670.000.000 đồng, không phải 1.255.660.065đ như bản án sơ thẩm xác định.

Đơn tố cáo ngày 08/5/2020 xác định bị cáo chiếm đoạt số tiền 760.548.145đ, Kết luận điều tra kết luận số tiền bị cáo chiếm đoạt 910.887.000 đồng, cáo trạng quy kết bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 1.263.970.065 đồng. Như vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm chưa xác định thống nhất số tiền bị cáo đã chiếm đoạt. Việc chưa làm rõ số tiền bị cáo P chiếm đoạt ảnh hưởng tới việc định khung hình phạt và vấn đề bồi thường trách nhiệm dân sự.

Ngoài ra, Nguyễn Thị Mỹ L là kế toán của công ty T 3F V Bình Dương là người trực tiếp lập phiếu chi PC00918 ngày 21/02/2020 và phiếu chi PC00969 ngày 8/4/2020 không lên trên phần mềm Misa theo yêu cầu của bị cáo P, L không hưởng lợi từ số tiền trên nhưng bị cáo P có lời khai cho rằng L biết việc bị cáo P lập phiếu chi không nhưng đồng ý lập phiếu chi, còn L thì có lời khai cho rằng không biết 02 phiếu chi trên là do P lập không. Mặc dù có sự mâu thuẫn trong lời khai của bị cáo P và L liên quan đến số tiền 577.251.800 đồng nhưng chưa được điều tra, đối chất để làm rõ.

Những thiếu sót trên cấp phúc thẩm không thể khắc phục, bổ sung làm rõ tại phiên tòa. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm để điều tra lại xác định chính xác số tiền bị cáo Đào Văn P chiếm đoạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/6/2022 bị cáo Đào Văn P kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của bị cáo làm và nộp trong hạn luật định nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm, được quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[2.1]. Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đào Văn P cho rằng bản án sơ thẩm xét xử bị cáo không đúng tội danh và số tiền bị cáo chiếm đoạt, cụ thể: Bị cáo với chức danh là kế toán trưởng của Công ty T 3F V Bình Dương, ngoài ra không có chức danh thủ quỹ cũng như giao nhiệm vụ giữ tiền của Công ty. Trong thời gian bị cáo làm việc tại Công ty thì Công ty vẫn có nhân viên thủ quỹ và có báo cáo quỹ hàng ngày cho Ban giám đốc Công ty. Trong lúc khó khăn về tài chính bị cáo có mượn tạm của Công ty một số tiền mà không báo với Ban giám đốc Công ty nhưng thủ quỹ của Công ty có biết. Hành vi của bị cáo chỉ cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, không phải tội “Tham ô tài sản”. Về số tiền chiếm đoạt: Bị cáo chỉ thừa nhận chiếm đoạt số tiền khoảng từ 500.000.000 đồng đến 700.000.000đ thông qua các phiếu thu có chữ ký xác nhận của bị cáo. Còn lại đối với 79 phiếu thu không có chữ ký của bị cáo thì bị cáo không phải chịu trách nhiệm đối với số tiền này. Do đó, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xét đổi tội danh và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[2.2]. Đại diện Công ty T 3F V Bình Dương khai tại phiên tòa phúc thẩm không nhớ chính xác số tiền bị cáo P chiếm đoạt của Công ty là con số nào nhưng thấp hơn cáo trạng truy tố. Sau khi Công ty nhận được kết luận điều tra kết luận về số tiền chiếm đoạt thì Công ty cũng đồng ý, về cáo trạng thì Công ty không nhận được.

[2.3]. Xét, qua Bản kết luận điều tra, Bản cáo trạng và lời khai của bị cáo P trong quá trình tố tụng, phù hợp các tài liệu có trong hồ sơ có cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/4/2020, Đào Văn P đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao là kế toán trưởng và thủ quỹ của Công ty 3F V Chi nhánh Bình Dương chiếm đoạt tiền của Công ty mà bị cáo có trách nhiệm quản lý để tiêu xài cá nhân. Hành vi của Đào Văn P đã cấu thành tội “Tham ô tài sản” quy định tại Điều 353 Bộ luật hình sự. Cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo P về tội “Tham ô tài sản” là phù hợp hành vi khách quan. Việc bị cáo P kháng cáo cho rằng, hành vi của bị cáo không cấu thành tội “Tham ô tài sản” mà chỉ cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là không có cơ sở.

[2.4]. Về số tiền chiếm đoạt: Xét, tại Đơn tố cáo ngày 08/5/2020 của Công ty TNHH Thực phẩm 3F Việt gửi Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng và Cơ quan CSĐT Công An Huyện Dầu Tiếng, xác định số tiền thiệt hại tính đến thời điểm phát hiện là 760.548.145đ, tính đến thời điểm nộp đơn là 1.046.456.402 đồng. Tại Bản kết luận điều tra vụ án hình sự số 265/KLĐT-CSKT-Đ4 ngày 30/10/2021 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Tổng số tiền thu chứng minh được là 6.978.624.000đ, trong đó: 5.677.224.365đ tương ứng 319 phiếu thu chủ yếu tập trung từ 01/01/2020 đến 13/4/2020 có xác nhận chữ ký của bị cáo P, 1.301.400.000đ là tiền thu bán hàng từ 14/4 đến 30/4/2020 tương ứng 04 lần P mang đi vào tài khoản của Công ty tại Ngân hàng, trừ số tiền tổng chi 6.087.212.000đ, tổng số tiền P chiếm đoạt là 910.887.000 đồng (chín trăm mười triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn đồng). Tại Cáo trạng số 423/CT-VKSBD.P1 ngày 30/12/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương kết luận: Trong khoảng thời gian từ 01/01/2020 đến 30/4/2020 P trực tiếp ký xác nhận 319 phiếu thu và thu với tổng số tiền 5.677.224.365đ; ngoài ra có 79 phiếu thu (trong khoảng thời gian từ 14/4 đến 30/4/2020), tuy không có chữ ký của P nhưng vẫn đủ cơ sở xác định P thu số tiền 1.654.482.700đ, trừ số tiền tổng chi 6.095.522.000đ, tổng số tiền P chiếm đoạt là 1.263.970.065 đồng.

[2.5]. Từ những tài liệu trên, thấy rằng tại Bản cáo trạng xác định số tiền bị cáo P chiếm đoạt 1.263.970.065 đồng, cao hơn số tiền tại Kết luận điều tra (910.887.000 đồng), cao hơn số tiền người bị hại yêu cầu tại đơn yêu cầu khởi tố (1.046.456.402 đồng). Cáo trạng quy kết trong 79 phiếu thu (trong khoảng thời gian từ 14/4 đến 30/4/2020), tuy không có chữ ký của P nhưng vẫn đủ cơ sở xác định P thu số tiền 1.654.482.700đ. Tuy nhiên, cáo trạng không thể hiện đủ cơ sở là những cơ sở nào? Hồ sơ chưa thể hiện việc điều tra, đối chất làm rõ số tiền bị cáo chiếm đoạt là bao nhiêu trong khi có sự mâu thuẫn về số tiền bị cáo chiếm đoạt giữa yêu cầu của người bị hại, Kết luận điều tra, lời khai của bị cáo. Đặc

biệt là số tiền mà các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm truy tố và xét xử cao hơn số tiền yêu cầu của nguyên đơn dân sự trong vụ án này.

[2.6]. Do trong giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm chưa xác định thống nhất số tiền bị cáo đã chiếm đoạt. Việc chưa làm rõ số tiền bị cáo P chiếm đoạt ảnh hưởng tới việc định khung hình phạt và vấn đề bồi thường trách nhiệm dân sự đối với nguyên đơn dân sự. Ngoài ra, đối với 02 phiếu chi không PC00918 ngày 21/02/2020 và phiếu chi PC00969 ngày 8/4/2020 với tổng số tiền 577.251.800 đồng. Bị cáo P cho rằng Nguyễn Thị Mỹ L là kế toán của công ty T 3F V Bình Dương là người trực tiếp lập phiếu chi PC00918 ngày 21/02/2020 và phiếu chi PC00969 ngày 8/4/2020 không lên trên phần mềm Misa theo yêu cầu của bị cáo P, khi lập phiếu chi L biết đây là các phiếu chi không nhưng đồng ý thực hiện giúp sức cho bị cáo P chiếm đoạt được số tiền trên. Tuy nhiên, quá trình điều tra L không thừa nhận về việc biết bị cáo P lập phiếu chi không, mà chỉ thực hiện việc lập phiếu chi theo yêu cầu của kế toán trưởng. Việc mâu thuẫn trong lời khai giữa bị cáo P và L chưa được điều tra xác minh làm rõ, không cho các bên đối chất để xác định vai trò của L trong vụ án.

[3]. Việc chưa xác định chính xác số tiền bị cáo Đào Văn P chiếm đoạt của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T 3F V Bình Dương ảnh hưởng đến việc định khung hình phạt, giải quyết về trách nhiệm dân sự cho đúng với hành vi phạm tội của bị cáo P. Cũng như có hay không việc Nguyễn Thị Mỹ L đồng ý thực hiện việc lập phiếu chi không với tổng số tiền 577.251.800 đồng theo sự chỉ đạo của bị cáo P. Do điều tra chưa đầy đủ, chưa xác minh đối chất làm rõ các mâu thuẫn nêu trên nhưng tại giai đoạn xét xử phúc thẩm Hội đồng xét xử không thể bổ sung được. Như vậy, có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo P và chấp nhận theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy bản án hình sự sơ thẩm giao hồ sơ về Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương điều tra và truy tố lại theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Đào Văn P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự.

2. Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 80/2022/HS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương điều tra và truy tố lại theo thủ tục chung.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Đào Văn P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND tỉnh Bình Dương (1);
- Công an tỉnh Bình Dương (1);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (1);
- Cục THADS tỉnh Bình Dương (1);
- Bị cáo (1); Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP 20b (PMT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Hoa